

Số: 21 /2016/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 382/TTr-STNMT, ngày 06 tháng 7 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang theo Phụ lục kèm theo Quyết định này, bao gồm:

1. Các khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 65 Luật Khoáng sản.

2. Các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được xác định khai thác để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ cho việc duy tu, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Các khu vực khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy phép thăm dò hoặc giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01/7/2011.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm cho việc triển khai thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đối với các khu vực đã được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.



Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Các khu vực đã được quy định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Điều 1 của Quyết định này:

1. Đối với các giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân nhưng tổ chức, cá nhân đó không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản thì trữ lượng khoáng sản này sẽ thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định; tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm hoàn trả chi phí thăm dò cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

2. Khi giấy phép khai thác khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh gia hạn hoặc cấp lại giấy phép khai thác để khai thác hết trữ lượng khoáng sản còn lại (trữ lượng khoáng sản này nằm trong diện tích và độ sâu được quy định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản) thì phần trữ lượng khoáng sản này tiếp tục được quy định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Khi giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 58 của Luật Khoáng sản mà chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản được phép khai thác (chưa khai thác hết diện tích, độ sâu khai thác) thì phần trữ lượng khoáng sản này sẽ thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định, trừ trường hợp pháp luật khoáng sản có quy định khác; tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm hoàn trả chi phí thăm dò cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò đối với phần trữ lượng khoáng sản này theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08/8/2016. *Quel*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 của QĐ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT, STNMT (3b), dtnha.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng



PHỤ LỤC
CÁC KHU VỰC KHÔNG ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THUỘC
THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số: 21 /2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên khoáng sản	Vị trí khu vực mỏ	Diện tích (ha)	Tọa độ	Độ sâu	Tiêu chí khoáng định	Ghi chú
01	Đá xây dựng	Núi Hòn Sóc, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất	110,03	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 2227/GP-UBND ngày 11/9/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Kiên Giang; số 3207/GP-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty 622 Quân khu 9; số 2408/GP-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Loan Phát; số 679/GP-UBND ngày 09/3/2010 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Đại Nam; số 2175/GP-UBND ngày 28/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Khai thác đá Đại Tân; số 1666/GP-UBND ngày 11/7/2008 và số 302/GP-UBND ngày 11/02/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông; số 2590/GP-UB ngày 29/12/2005 và số 229/GP-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Nguyễn Bay; số 577/GP-UB ngày 26/4/2006 và số 228/GP-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Quốc Thắng; số 1318/GP-UB ngày 03/6/2004, số 428/GP-UBND ngày 31/3/2006 và số 227/GP-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Quang Tuyền; số 2824/GP-UBND ngày 23/12/2010 và số 1797/GP-UBND ngày 26/8/2014 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây	Từ cốt +10m trở lên.	(1)	

				dụng Thủy lợi Thanh Liêm; số 2522/GP-UBND ngày 08/10/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Tân Kiên (sau đó UBND tỉnh thu hồi của Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Tân Kiên và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1896/GP-UBND ngày 07/9/2012 cho Công ty TNHH Đoàn Thịnh Kiên Giang; số 2697/GP-UBND ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Suối Tiên.			
02	Đá xây dựng	Núi Sơn Trà. xã Bình An, huyện Kiên Lương	32,80	- Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1519/GP-UBND ngày 07/7/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Khoáng sản và Đầu tư Thiên Nhiên; số 1720/GP-UBND ngày 10/8/2010 của UBND tỉnh cấp cho Chi nhánh Công ty CP Khai thác khoáng sản và Xây dựng miền Nam. - Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản: Số 168/GP-UBND ngày 18/01/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Toàn Thịnh Phát; số 2939/GP-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hải Vân; phần diện tích 1,6ha, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Hải Vân khai thác do Chi nhánh Công ty CP Khai thác khoáng sản và Xây dựng miền Nam thăm dò theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 197/GP-UBND ngày 20/01/2010.	Từ cốt -20m trở lên.	(1)	

03	Đá xây dựng	Núi Trà Đuốc Lớn, xã Bình Trị, huyện Kiên Lương	50.20	- Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1975/GP-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh vật tư; số 11/GP-UBND ngày 08/01/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH An Phát, số 1132/GP-UBND ngày 19/5/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Kiên Giang; số 2175/GP-UBND ngày 09/9/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Quý Hải-A.C.M. - Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2222/GP-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh vật tư; phần diện tích 03ha UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Quý Hải (nay là Công ty TNHH Quý Hải-A.C.M) thăm dò, khai thác do Công ty TNHH An Phát đã thăm dò theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1640/GP-UBND ngày 28/8/2007.	- Từ cốt -10m trở lên của Công ty TNHH An Phát, Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Kiên Giang; Công ty TNHH Quý Hải-A.C.M; phần diện tích 03ha Công ty TNHH An Phát đã thăm dò và UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Quý Hải (nay là Công ty TNHH Quý Hải-A.C.M) thăm dò, khai thác. - Từ cốt -30m trở lên của Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh vật tư (C&T).	(1)	
04	Đá xây dựng	Núi Trà Đuốc Nhỏ, xã Bình An, huyện Kiên Lương	14.70	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 728/GP-UBND ngày 02/5/2007 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Trung Hiếu.	Từ cốt -30m trở lên.	(1)	UBND tỉnh đồng ý chủ trương
05	Đá xây dựng cát kết	Km13, Tỉnh lộ 46, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc	4.00	Tọa độ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản: Số 335/GP-UBND ngày 17/3/2006 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Kim Dung; số 334/GP-UBND ngày 17/3/2006 và số 2755/GP-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Loan Phát.	Từ cốt bằng mặt đường Tỉnh lộ 46 (hiện nay là đường Dương Đông – An Thới) trở lên.	(1)	



06	Đá vôi	Núi Túc Khôi, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương	6,10	Tọa độ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản: Số 318/GP-UBND ngày 11/02/2009 và số 198/GP-UBND ngày 28/01/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Xi măng Hà Tiên; số 1855/GP-UBND ngày 24/8/2010, số 2629/GP-UBND ngày 30/11/2010 và số 31/GP-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Đức Quân.	Từ cốt +2m trở lên.	(1)	
07	Đá vôi	Núi Cà Đa, Dương Hoà, huyện Kiên Lương	7,00	Tọa độ từ điểm góc số 1 đến điểm góc số 10 trong hồ sơ báo cáo kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ mỏ đá vôi núi Cà Đa, xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương.	Từ cốt -20m trở lên.		UBND tỉnh đồng ý bổ sung hai mỏ này vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Kiên Giang.
08	Đá vôi	Núi Nhà Vô, Dương Hoà, huyện Kiên Lương	5,70	Tọa độ từ điểm góc số 1 đến điểm góc số 5 trong hồ sơ báo cáo kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ mỏ đá vôi núi Nhà Vô, xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương.	Từ cốt -20m trở lên.		
09	Đá vôi	Núi Xà Ngách, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương	4,80	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 729/GP-UBND ngày 02/5/2007 và số 1491/GP-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Khai thác khoáng sản và Xây dựng miền Nam.	Từ cốt -40m trở lên.	(1)	
10	Đá vôi	Núi Bnum Po, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương	4,60	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 915/GP-UB ngày 16/6/2006 và số 1298/GP-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Khai thác khoáng sản và Xây dựng miền Nam.	Từ cốt -60m trở lên.	(1)	
11	Đá vôi	Núi Blum Pô Nhô, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương	3,80	Tọa độ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1275/GP-UBND ngày 13/6/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH An Phát.	Từ cốt -20m trở lên.	(1)	



12	Sét gạch ngói	Áp Rạch Vượt, xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên và ấp Rạch Dứa, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	185,00	Tọa độ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản số 2865/GP-UBND ngày 10/12/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng Toàn Thành Tâm và Giấy phép khai thác khoáng sản số 1810/GP-UBND ngày 20/8/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Toàn Thành Tâm.	Từ cốt -20m trở lên.	(1)	UBND tỉnh đã cấp giấy phép thăm dò 185ha và giấy phép khai thác khoáng sản 85ha.
13	Sét gạch ngói	Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương	55	- Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2887/GP-ĐCKS ngày 11/11/2002 của Bộ Công nghiệp. - Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1351/GP-UBND ngày 22/6/2011 và số 1056/GP-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Gạch ngói Kiên Giang.	Từ cốt -14m trở lên.	(1)	Bộ Công nghiệp đã cấp giấy phép thăm dò 55ha và UBND tỉnh đã cấp giấy phép khai thác khoáng sản 26,94ha.
14	Sét gạch ngói	Xã Vĩnh Hoà Hưng Nam, huyện Gò Quao	27,07	Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 885/GP-UBND ngày 15/4/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tâm Sen Kiên Giang.	Từ cốt -6m trở lên.	(1)	
15	Vật liệu san lấp	Núi Nhọn, xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên	22,00	Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 196/GP-UBND ngày 20/01/2010 của UBND tỉnh cấp cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang.	Từ cốt +2m trở lên.	(1)	
16	Vật liệu san lấp	Núi Mây, xã Dương Hoà, Kiên Lương	16,99	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: số 1909/GP-UBND ngày 01/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Trung Hiếu; số 1910/GP-UBND ngày 01/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Duyên Hải.	Từ cốt -30m trở lên.	(1)	
17	Vật liệu san lấp từ biển	Phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên	100,00	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1888/GP-UBND ngày 12/8/2008 và số 1762/GP-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng A.C.M.	Từ bề mặt địa hình đáy biển xuống 9,64m.	(1)	



18	Vật liệu san lấp từ biển	Vịnh Ba Hòn, huyện Kiên Lương	200,00	Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản: Số 802/GP-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thương mại Địa ốc Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Kiến Gia Vy; số 2044/GP-UBND ngày 15/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hải Toàn.	- Từ bề mặt địa hình đáy biển xuống từ 19,7m đến 20,2m của Công ty TNHH Thương mại Địa ốc Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Kiến Gia Vy. - Từ bề mặt địa hình đáy biển xuống -15m Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hải Toàn.	(1)	
19	Vật liệu san lấp từ biển	Phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá	99,60	Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1531/GP-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang.		(2)	Phục vụ san lấp mặt bằng xây dựng hạ tầng Khu lấn biển Tây Bắc, thành phố Rạch Giá.
20	Than bùn	Ấp Trần Thệ, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	100,00	Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 716/GP-UBND ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Đức Việt.	Từ bề mặt địa hình đến độ sâu trung bình 1.65m.	(1)	
21	Than bùn	Lung Lớn, xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương	297,5	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1126/GP-UBND ngày 12/5/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Nguyễn Phan; số 298/GP-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thiên Sơn; số 664/GP-UBND ngày 17/3/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Thanh Thủy.	- Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,65m đến 1,93m của Công ty TNHH Nguyễn Phan. - Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,79m đến 1,98m của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thiên Sơn. - Từ bề mặt địa hình đến độ từ 1,19m đến 1,20m của Công ty CP Thanh Thủy.	(1)	
22	Than bùn	Lung Hoà Điền, xã Hoà Điền, huyện Kiên Lương	77	Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2502/GP-UBND ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Kiên Giang CPĐT.	Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 2,64m đến 5,4m.	(3)	



23	Than bùn	Kênh 85B, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất	30.00	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1390/GP-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên 622.	Từ bề mặt địa hình đến độ sâu trung bình từ 3,73m đến 4,72m.	(3)	
24	Than bùn	Lâm trường Hòn Đất, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất	120	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1214/GP-UBND ngày 18/5/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Nông lâm nghiệp Kiên Giang.	Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,86m đến 2,24m.	(1)	
25	Than bùn	Bình Giang, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất	96.26	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 957/GP-UBND ngày 22/4/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP phân bón AAA.	Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,82m đến 1,94m.	(1)	
26	Than bùn	Kênh Ninh Phước 2, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất	35.06	Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2078/GP-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Nông lâm nghiệp Kiên Giang.	Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,92m đến 2,20m.	(3)	
27	Than bùn	Kênh Bao, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất	22.90		Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,84m đến 2,94m.		
28	Than bùn	Kênh Bao, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất	95	Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1214/GP-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Hương Tràm.	Từ bề mặt địa hình đến độ sâu trung bình 2,70m.	(3)	

Ghi chú:

(1): Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011.

(2): Khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được xác định khai thác để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ cho việc duy tu, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật.

(3): Khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 65 của Luật Khoáng sản.